

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HC-PT

Ngày: 21 - 01 - 2021

V/v “Khiếu kiện quyết định áp
dụng biện pháp khắc phục hậu
quả”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 446/2020/TLPT-HC ngày 20 tháng 8 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 06/2020/HC-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4157/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 12, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Địa chỉ liên hệ: Số 27K, đường S, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;
số 01 đường V, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Việt A, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 19 đường Ng, quận L, Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ liên lạc: Số 13 ngõ H, phường C, quận Đ1, Thành phố Hà Nội.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Quang V - Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Đại Việt thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: 480/34 đường M, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ trụ sở: Số 02 TN, Phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc T1, chức vụ: Phó chủ tịch; (xin vắng mặt)

(Theo văn bản ủy quyền số 5237/UBND ngày 17/9/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 01, đường V, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Ngô Thị Thanh H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 01 đường V, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Chỗ ở: Tổ 12, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;

3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1930 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 01 đường V, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Chỗ ở: Số 27K đường S, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Nguyễn Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2019; đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 14/01/2020 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Minh T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Bùi Việt A trình bày:

Ngày 12/8/2019, ông Nguyễn Minh T biết được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ (sau đây viết tắt là UBND TP Đ) ban hành Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06/8/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông T tháo dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị thuộc một phần thửa đất số 147, 148, 165, 166, 180 và 181, tờ bản đồ số 4, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Việc ban hành Quyết định trên không đúng quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, cụ thể như sau:

- Ông T không phải là người có hành vi vi phạm đã nêu trong Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06/8/2019 của Chủ tịch UBND TP Đ.

- Quá trình ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả ông T không được tổng đạt hợp lệ các giấy mời làm việc.

- Biên bản vi phạm hành chính số 213/BB-VPHC ngày 26/7/2019 của Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ được lập không đúng theo các quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Đồng thời, biên bản không gửi cho ông T nên ông không thực hiện được quyền giải trình theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Thời gian ghi trong biên bản vi phạm hành chính được lập lúc 14 giờ và kết thúc lúc 14 giờ 30 phút cùng ngày là quá nhanh.

- Nội dung biên bản vi phạm hành chính ghi nhận: *“Qua quá trình rà soát và đồng thời kiểm tra thông tin và hình ảnh từ google maps thì quá trình xây dựng 13 khối công trình từ năm 2016 đến tháng 6 năm 2017”*. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật xử lý vi phạm hành chính thì vi phạm đã nêu trong biên bản vi phạm hành chính không được sử dụng các phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện.

- Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính số 213/BB-VPHC ngày 26/7/2019 của Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ lập là không đúng thời điểm. Bởi vì thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính không phải là thời điểm xảy ra vi phạm.

Do biên bản vi phạm hành chính ngày 26/7/2019 có nhiều sai phạm nên việc Chủ tịch UBND TP Đ ban hành Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06/8/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T là không đúng. Do đó, đề nghị Tòa án hủy Quyết định nêu trên.

Đồng thời, ngày 07/01/2020 Chủ tịch UBND TP Đ tiếp tục ban hành Quyết định số 111/QĐ-ĐCKPHQ đính chính Quyết định 3249/QĐ-KPHQ ngày 06/8/2019 từ tờ bản đồ số 4 thành tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy cả Quyết định 111/QĐ-ĐCKPHQ nêu trên.

** Theo văn bản của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND TP Đ trình bày:*

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06/8/2019 của UBND TP Đ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Minh T:

Thực hiện Văn bản số 3432/UBND-XD ngày 06/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc kiểm tra và kịp thời xử lý nghiêm hành vi vi phạm

(nếu có) tại khu vực di tích lịch sử - danh lam Đồi Trăng, phường 4, thành phố Đ, ngày 18/6/2019, Chủ tịch UBND TP Đ ban hành Quyết định số 2545/QĐ-UBND về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh, trật tự xây dựng, môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, quản lý bảo vệ rừng và các vấn đề khác có liên quan đối với Nhà hàng Trên Đỉnh Đồi Trăng, địa chỉ số 01 V, Phường 4, thành phố Đ.

Ngày 20/6/2019, Đoàn kiểm tra trực tiếp kiểm tra hiện trường, tiến hành đo đạc và lập Biên bản kiểm tra. Qua đo đạc thực tế, hiện trạng công trình, hạng mục công trình tại nhà hàng Trên Đỉnh Đồi Trăng của Đoàn kiểm tra; căn cứ họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 24/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, thể hiện:

Tổng số hạng mục công trình xây dựng là 13, với tổng diện tích xây dựng là 2.736,8m² tại một phần thửa đất số 147, 148, 165, 166, 180, 181, tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ. Hiện các công trình này đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng, trong đó gồm:

a) Khối Nhà hàng tại vị trí (1-4-6): Tổng diện tích công trình là 453,5 m², gồm 03 khối:

- Khối vị trí 1: 34,68 m²;
- Khối vị trí 4: 175,86 m²;
- Khối vị trí 6: 242,96 m²;

Công trình bằng vật liệu: tường xây gạch đờ mi cao 0,8m, trên lắp kính - nền gạch hoa, mái lợp tôn kẽm.

b) Khối nhà ở và nhà ở nhân viên + kho tại vị trí (2-7): Tổng diện tích công trình là 313,66 m², gồm 02 khối:

- Khối vị trí 2: 129,02 m²; Công trình nhà ở gia đình, bằng vật liệu cấp 4: tường xây gạch, nền gạch hoa, mái lợp tôn kẽm.
- Khối vị trí 7: 184,64 m²; Công trình nhà ở nhân viên, bằng vật liệu: vách tôn kẽm, nền gạch hoa, mái lợp tôn kẽm.

c) Khối Nhà bếp tại vị trí 5: bằng vật liệu cấp 4: tường xây gạch, nền gạch hoa, mái lợp tôn kẽm, có diện tích 143,59m².

d) Chòi ngũ giác tại vị trí (3): Bằng vật liệu tường xây gạch cao 0,80m, trụ sắt, khung sắt, mái lợp tôn, có diện tích 10,72 m²;

e) Công trình khác (sân, đường đi) tại vị trí 1: Bằng kết cấu bê tông xi măng, có diện tích: 1.428,59 m², gồm:

- Sân, đường đi: 1.067,49m²

- Công trình mái che để xe, bằng vật liệu: khung, cột, kèo sắt, mái lợp tôn kẽm, nền xi măng, gồm 02 khối có diện tích: $(15,5\text{m} \times 7,0\text{m}) + (11,5\text{m} \times 6,0\text{m}) = 177,5 \text{ m}^2$;

- Công trình mái che dọc lối đi xuống nhà hàng, bằng vật liệu: khung, cột, kèo sắt, mái lợp tôn kẽm, nền xi măng, có diện tích: $(43,2\text{m} \times 4,25\text{m}) = 183,6 \text{ m}^2$;

f) Khối Nhà kính tại vị trí 8: Khối nhà kính dùng chăn nuôi gà, kết cấu vật liệu: khung, cột, kèo sắt, vách ni lông, mái lợp ni lông, nền đất, tại vị trí gần có diện tích: $(12,2\text{m} \times 11,9\text{m}) = 145,18\text{m}^2$;

Ngoài ra còn có các công trình xây dựng không phép, không thể hiện trong hồ sơ đồ vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thiết lập, gồm:

- **Khối Nhà kính:** Tổng diện tích 02 khối nhà kính: $241,56 \text{ m}^2$, gồm:

+ Khối nhà kính dùng trồng hoa: bằng vật liệu khung, cột, kèo sắt, vách ni lông, mái lợp ni lông, nền đất. Tại vị trí gần công trình số 4, có diện tích: $(21,7\text{m} \times 4,0\text{m}) = 86,8 \text{ m}^2$;

+ Khối nhà kính dùng chăn nuôi gà: bằng vật liệu khung, cột, kèo sắt, vách ni lông, mái lợp ni lông, nền đất, tại vị trí gần công trình số (8) có diện tích $(14,6\text{m} \times 10,6\text{m}) = 154,76\text{m}^2$;

Tại thời điểm kiểm tra cho thấy chủ đầu tư đã tiến hành xây dựng, cải tạo mở rộng các hạng mục công trình, bao gồm: 13 hạng mục công trình với tổng diện tích xây dựng là $2.736,8\text{m}^2$ tại một phần thửa đất số 147, 148, 165, 166, 180, 181, tờ bản đồ số 3, phường 4, thành phố Đ. Hiện các công trình này đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đ và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 thì các thửa đất này thuộc quy hoạch đất du lịch hỗn hợp (DLHH) và đất công viên cảnh quan (CVQC); Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 03 tháng 04 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì các thửa đất này thuộc quy hoạch đất Trữ sở khác (TSK); không phù hợp đất ở để được phép xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ.

Hành vi xây dựng, cải tạo mở rộng công trình không có giấy phép mà theo quy định phải có giấy phép quy định tại khoản 1, Điều 89, Luật Xây dựng.

Hành vi xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt quy định tại điểm a khoản 7 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu

xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

Đối với nội dung xác định ông Nguyễn Minh T là chủ sử dụng các công trình vi phạm trên cơ sở sau:

Ngày 15/3/2016, ông Nguyễn Minh T có gửi Đơn xin xác nhận có nhà ở ổn định trong đó có nêu: Ông Nguyễn Minh T - SN: 22/5/1983 Số CMND: 250651483, ngày 30/5/2010, cấp tại Công an Lâm Đồng, HKTT: 5 NH - Phường 5 – Thành phố Đ, chỗ ở hiện nay: 01 V - Phường 4 – Thành phố Đ, trình bày nội dung như sau: “Năm 2006 tôi có mua một căn nhà ở và có vườn của vợ chồng bà Mai Thị P, sinh năm 1953, CMND số 250004749 cấp ngày 16/5/2002 tại Công an Lâm Đồng và chồng là Trương Văn Gi, sinh năm 1944. Hiện thường trú tại 8/4 Trần Nhật Duật, Phường 5, thành phố Đ. Nhà tôi mua có diện tích 80m² còn đất có diện tích đất: 1.575m², tại thửa đất số một phần thửa 148, 165 tờ bản đồ số 03, Phường 4, thành phố Đ, phía Đông giáp nhà bà Giang, phía Tây giáp đất trống, phía Nam giáp đất trống, phía Bắc giáp hàng rào Dinh 3 và được bà Phụng cùng chồng là ông Giáp viết giấy tờ tay chuyển nhượng nhà và đất kèm theo Quyết định cấp đất số 09/QĐ-UB ngày 11/5/1992 của UBND thành phố Đ về việc giao đất để sản xuất, họa đồ lô đất, biên lai đóng thuế, đơn xin làm nhà nhỏ trồng nom vườn (Bản chính). Vậy tôi đề nghị UBND phường 4 thành phố Đ xác nhận cho tôi nội dung tôi có nhà ở, tại số 01 V - Phường 4 - thành phố Đ nhà ở, đất ở không có tranh chấp về quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở và không nằm trong khu quy hoạch đã có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Đến ngày 16/3/2016, UBND phường 4 có xác nhận trong đơn nội dung như sau: “Ông Nguyễn Minh T hiện có nhà ở tại số 01 V, phường 4 Đà Lạt. Nhà ở, nhà đất không có tranh chấp về QSH nhà ở và QSD đất ở, không nằm trong khu quy hoạch đã có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (để bổ túc hồ sơ xác nhận)”.

Căn cứ nội dung về Hộ khẩu thường trú; về nguồn gốc đất kê khai; về chủ sử dụng đất theo xác minh; về quyền sử dụng đất và Giấy phép xây dựng như đã nêu trên, cho thấy: ông Nguyễn Minh T đang trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất, nhà ở và đang thực hiện việc kinh doanh Nhà hàng Trên Đỉnh Đồi Trăng (Đơn xin xác nhận có nhà ở đất ở ổn định ngày 05/3/2016 của ông Nguyễn Minh T; Biên bản làm việc ngày 24/6/2019 của Ủy ban nhân dân phường 4 với bà Nguyễn Thị L; Biên bản làm việc ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân phường 4 với bà Mai Thị P; bà Nguyễn Thị Diễm M, đại diện hộ kinh doanh là cháu ruột ông T). Từ đó xác định chủ thể vi phạm về lĩnh vực trật tự xây dựng là ông Nguyễn Minh T.

Chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Minh T không phối hợp làm việc với đoàn công tác, Ủy ban nhân dân phường 4 cũng không đủ cơ sở xác định thời điểm vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Minh T.

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính: “Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở là 02 năm”. Công trình có thời điểm thi công và đưa vào sử dụng đến nay đã quá 02 năm, do đó không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 11, Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ, buộc tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 7 điều này.

- Ngày 26/7/2019, Ủy ban nhân dân Phường 4 lập biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 213/BB-VPHC.

- Ngày 26/7/2019, Ủy ban nhân dân Phường 4 có Tờ trình số 130/ TTr-UBND về việc đề xuất ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động xây dựng đối với ông Nguyễn Minh T, chủ đầu tư xây dựng công trình tại một phần thửa đất 147, 148, 165, 166, 180, 181, tờ bản đồ số 3, hẻm S, Phường 4, thành phố Đ.

Xét Tờ trình số 2942/TTr-QLĐT ngày 29/7/2019 của Phòng Quản lý đô thị Đà Lạt về việc đề xuất ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Minh T tại một phần thửa số 147, 148, 165, 166, 180, 181, tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ, ngày 06/8/2019 UBND TP Đ ban hành Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với ông (bà) Nguyễn Minh T, buộc tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị một phần thửa số 147, 148, 165, 166, 180, 181, tờ bản đồ số 3, phường 4, thành phố Đ.

Việc UBND TP Đ ban hành Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06/8/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, đối với việc ông Nguyễn Minh T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06/8/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là không có cơ sở xem xét giải quyết, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Diễm M, bà Ngô Thị Thanh H và bà Nguyễn Thị K vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh T đề nghị Tòa án:

+ Hủy Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Minh T.

+ Hủy Quyết định 111/QĐ-ĐCKPHQ ngày 07-01-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/6/2020, người khởi kiện là ông Nguyễn Minh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Nguyễn Minh T (có ông Bùi Việt A đại diện theo ủy quyền) vẫn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật không đúng. Cụ thể:

- Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng: bà Mã Thị Phương Giang, bà Nguyễn Thị Ch (chủ đất đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), ông Nguyễn Đức H (người nhận chuyển nhượng lại một phần đất và công trình trên đất tại thửa 148, 165). Trong biên bản vi phạm hành chính ngày 26/7/2019 có dấu hiệu tẩy xóa, chỉnh sửa; có sự khác nhau giữa biên bản vi phạm hành chính do các bên cung cấp nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ: Biên bản vi phạm hành chính do người bị kiện cung cấp có chữ ký của những người chứng kiến ở từng trang, viện dẫn chi tiết Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 nhưng trong biên bản ông T nhận được lại không có những nội dung trên. Ông T đã yêu cầu triệu tập 02 người làm chứng là ông Đoàn Danh L1 và ông Bùi Sỹ Đ, là những người đã ký tên trong biên bản vi phạm hành chính để làm rõ những mâu thuẫn trên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là không khách quan. Thành phần tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ không có sự tham gia của đại diện Ủy ban nhân dân Phường 4 (Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch), và đại diện Công an Phường 4 là không đúng quy định.

- Về nội dung: Quyết định 3249/QĐ-KPHQ ngày 26/7/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nhưng căn cứ Điều 86, 87 Luật Xử lý vi

phạm hành chính quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là không đúng. Trong 13 khối công trình vi phạm có những khối công trình không thuộc quyền sử dụng hay sở hữu của ông T mà do bà Nguyễn Thị Ch xây dựng năm 1991 có giấy phép xây dựng hợp pháp. Trên một phần thửa 147, 148 đã có nhà do bà Mai Thị P xây dựng từ năm 1990. Toàn bộ khối công trình này là của bà K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng lập biên bản và ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T là không đúng đối tượng. Quyết định 3249/QĐ-KPHQ ghi nhận các thửa đất tại tờ bản đồ số 4 là không đúng thực tế, được đính chính bằng Quyết định 111/QĐ-ĐCKPHQ ngày 07/01/2020 thể hiện các thửa đất tại tờ bản đồ số 3 nhưng Quyết định 111/QĐ-ĐCKPHQ ngày 07/01/2020 căn cứ Điều 6a Nghị định 81/2013/NĐ-CP trong khi Nghị định 81/2013/NĐ-CP không có quy định nào là Điều 6a.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện – Luật sư Nguyễn Quang V phát biểu ý kiến cho rằng biên bản vi phạm hành chính xác định không có khối công trình vi phạm tại thửa 180 nhưng Chủ tịch UBND TP Đ ban hành Quyết định 3249/QĐ-KPHQ lại có công trình vi phạm tại thửa 180 là không đúng. Ông T không được tổng đạt bản chính Biên bản vi phạm hành chính số 213/BB-VPHC ngày 26/7/2019, người bị kiện cũng không có biên bản giao nhận bản chính cho ông T, nội dung biên bản bản chính và bản ông T nhận được (bút lục 05 và 74) là không giống nhau, có dấu hiệu chỉnh sửa. Ủy ban nhân dân Phường 4 căn cứ vào google maps để lập biên bản, nguồn chứng cứ này chưa được giải trình theo Điều 81 Luật tố tụng hành chính. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND TP Đ, tỉnh Lâm Đồng (có ông Võ Ngọc T1 đại diện theo ủy quyền) xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung, Quyết định 3249/QĐ-KPHQ ngày 06/8/2019 của Chủ tịch UBND TP Đ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định 111/QĐ-ĐCKPHQ ngày 07/01/2020 của Chủ tịch UBND TP Đ về việc đính chính Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06/8/2019 là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là ông Nguyễn Minh T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Minh T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người bị kiện là Chủ tịch UBND TP Đ, tỉnh Lâm Đồng (có ông Võ Ngọc T1 đại diện theo ủy quyền) có văn bản xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Diễm M, Ngô Thị Thanh H và Nguyễn Thị K vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện

[2.1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định

Thực hiện Văn bản số 3432/UBND-XD ngày 06/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc kiểm tra và kịp thời xử lý nghiêm hành vi vi phạm (nếu có) tại khu vực di tích lịch sử - danh lam Đồi Trắng, Phường 4, thành phố Đ, ngày 18/6/2019, Chủ tịch UBND TP Đ ban hành Quyết định số 2545/QĐ-UBND về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh, trật tự xây dựng, môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, quản lý bảo vệ rừng và các vấn đề khác có liên quan đối với Nhà hàng Trên Đỉnh Đồi Trắng, địa chỉ tại số 01 V, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 20/6/2019, Đoàn kiểm tra trực tiếp kiểm tra hiện trường, tiến hành đo đạc và lập Biên bản kiểm tra. Qua đo đạc thực tế, hiện trạng công trình, hạng mục công trình tại Nhà hàng Trên Đỉnh Đồi Trắng của Đoàn kiểm tra; căn cứ họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 24/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, thể hiện:

Tại thời điểm kiểm tra cho thấy chủ đầu tư đã tiến hành xây dựng, cải tạo mở rộng các hạng mục công trình, bao gồm 13 hạng mục với tổng diện tích xây dựng là 2.736,8m² tại một phần thửa đất số 147, 148, 165, 166, 180, 181, tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ. Hiện các công trình này đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đ và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 thì các thửa đất này thuộc quy hoạch đất du lịch hỗn hợp (DLHH) và đất công viên cảnh quan (CVCQ); Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 03 tháng 04 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm

Đồng thì các thửa đất này thuộc quy hoạch đất Tru sở khác (TSK); không phù hợp đất ở để được phép xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ.

Do chủ đầu tư đã có hành vi xây dựng, cải tạo mở rộng công trình không có giấy phép mà theo quy định phải có giấy phép quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Xây dựng; Hành vi xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt quy định tại điểm a khoản 7 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở. Do đó, ngày 26/7/2019, Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ lập biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 213/BB-VPHC.

Theo điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính, vi phạm hành chính về xây dựng có thời hiệu xử phạt là 02 năm kể từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm. Do không xác định được thời điểm chủ đầu tư thực hiện hành vi vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND TP Đ ban hành Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06/8/2019 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 111/QĐ-ĐCKPHQ ngày 07/01/2020 về việc đình chính Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06/8/2019 là đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 38, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[2.3] Về việc xác định đối tượng áp dụng của các quyết định

[2.3.1] 13 khối công trình xây dựng không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền, không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại khu vực Nhà hàng Trên Đỉnh Đồi Trắng theo hồ sơ địa chính thể hiện thuộc một phần thửa đất số 147, 148, 165, 166, 180, 181 tờ bản đồ số 03 Phường 4, thành phố Đ.

[2.3.2] Theo sổ mục kê lưu trữ tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ thể hiện thửa 147 do bà Mai Thị P đăng ký kê khai nhưng người sử dụng thực tế là bà Nguyễn Thị H1 (BL số 151). Thửa số 148, 165 do bà Mã Thị Xuân G kê khai đăng ký. Thửa số 180, 181 không có ai kê khai, đăng ký.

[2.3.3] Tại Văn bản số 553/UBND ngày 03/6/2020, Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ xác định:

- Thửa 147, 148, 165 do bà Mai Thị P đăng ký kê khai, được giao đất để sản xuất nông nghiệp. Năm 1990 bà P xây dựng trại để vật tư, năm 2000 thì cải tạo thành nhà ở. Năm 2016 thì chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị K (mẹ ông T);

- Thửa 166 do bà Nguyễn Thị Ch đăng ký kê khai, được giao đất để sản xuất nông nghiệp. Năm 1991 bà Ch được cấp giấy phép xây dựng nhà ở. Năm 2016 bà Ch chuyển nhượng toàn bộ nhà, đất cho bà K;

- Thửa 181 do ông Phan Q đăng ký trước 15/10/1993, năm 2005 ông Q sang nhượng cho bà Nguyễn Thị L, năm 2006 bà L xây dựng nhà ở. Năm 2016 bà L chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho bà K.

[2.3.4] Kết quả xác minh tại Công an Phường 4, thành phố Đ (BL số 149-150) thể hiện các địa chỉ 27K S; số 01 đường V và tổ 12, Phường 4, thành phố Đ đều thuộc khu vực Nhà hàng Trên Đình Đồi Trắng do bà Nguyễn Thị Diễm M (cháu ông Nguyễn Minh T) và bà Nguyễn Thị K (mẹ ông T) đăng ký kinh doanh theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 42027108A ngày 09/11/2016 và số 42033862A ngày 24/7/2019.

[2.3.5] Như vậy, ông Nguyễn Minh T không phải là người đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Nhà hàng Trên Đình Đồi Trắng. Đồng thời, ông T cũng không phải là chủ sử dụng của tất cả các thửa đất được liệt kê có 13 khối công trình xây dựng không có giấy phép nêu trên.

[2.3.6] Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Trên thực tế thì việc quản lý kinh doanh Nhà hàng Trên Đình Đồi Trắng là do ông Nguyễn Minh T cùng vợ là bà Ngô Thị Thanh H thực hiện; Qua xác minh tại Công an Phường 4, thành phố Đ thể hiện ông Nguyễn Minh T là người đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 01 đường V, Phường 4, thành phố Đ; Biên bản xác minh ngày 12/02/2020 tại Điện lực Đà Lạt và Công văn trả lời số 181/CV-CTN ngày 03/6/2020 của Công ty cổ phần cấp thoát nước tỉnh Lâm Đồng thể hiện ông Nguyễn Minh T là người ký hợp đồng sử dụng điện và nước tại số 01 đường V, Phường 4, thành phố Đ; Biên bản xác minh ngày 03/01/2020 (BL số 150) Tổ trưởng tổ dân phố 12, Phường 4 xác định: *“Khoảng năm 2015, bà K (mẹ ông T) có mua 01 căn nhà và đất của bà Mai Thị P tại Tổ 12, Phường 4, thành phố Đ (nay là khuôn viên Nhà hàng trên đình đồi trắng). Sau đó, ông T coi nói, mở rộng xung quanh khu vực nhà để xây dựng công trình trên đất và phục vụ việc kinh doanh nhà hàng ăn uống. Quá trình ông T mở rộng, cải tạo là có. Tuy nhiên, về giấy tờ pháp lý thì tổ trưởng không nắm được. Trong suốt thời gian đó đến nay thì ông T vẫn quản lý, sử dụng Nhà hàng”*; Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ông T có mặt (nhưng không ký biên bản) trực tiếp chỉ dẫn và xác định đúng 13 khối công trình được ghi trong Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06/8/2019 của Chủ tịch UBND TP Đ; Điều đó chứng tỏ ông T là người trực tiếp quản lý, sử dụng các khối công trình này thì mới nắm rõ được như vậy.

Điểm đ khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: *“Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính”*, Điều

59 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “*Khi xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh các tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính: Có hay không vi phạm hành chính; Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính...*”. Chủ tịch UBND TP Đ căn cứ vào mục [2.3.6] cho rằng ông T đang trực tiếp sử dụng công trình để xác định ông T là người có hành vi vi phạm là chưa đủ căn cứ. Như phân tích tại mục [2.3.5], các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng để giải quyết vụ án nêu trên đều không phải là cơ sở để xác định việc ông Nguyễn Minh T có hành vi tổ chức xây dựng và là chủ sử dụng của các khối công trình xây dựng không phép.

[2.3.7] Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06/8/2019 buộc ông Nguyễn Minh T áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là chưa đủ cơ sở vững chắc. Cần phải xác minh làm rõ ông T quản lý sử dụng các công trình trên với tư cách là chủ sở hữu, hay quản lý, sử dụng thay cho người khác mới có căn cứ giải quyết vụ án.

[2.4] Ngoài ra, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Đơn xin xác nhận có nhà ở, đất ở ổn định của ông Nguyễn Minh T thể hiện nội dung: “*Năm 2006, tôi có mua căn nhà ở và có vườn của vợ chồng bà Mai Thị P, sinh năm 1953, CMND 250004749 cấp ngày 16/05/2002 tại công an Lâm Đồng và chồng là Trương Văn Gi, sinh năm 1944. Hiện thường trú tại 8/4 Trần Nhật Duật, Phường 5, thành phố Đ. Nhà tôi mua có diện tích 80m² còn đất có diện tích: 1.575m² tại thửa đất số **148, 165**, tờ bản đồ số 03, Phường 4, thành phố Đ... và được bà Phụng cùng ông Giáp viết giấy tờ tay chuyển nhượng nhà và đất kèm theo Quyết định cấp đất số 09/QĐ-UB ngày 11-5-1992 của UBND TP Đ về việc giao đất để sản xuất, họa đồ lô đất, biên lai đóng thuế, đơn xin làm nhà nhỏ trồng nom vườn*”.

Theo nội dung Đơn xin xác nhận nêu trên, ông Nguyễn Minh T chỉ thừa nhận việc ông có mua của vợ chồng bà Mai Thị P và ông Trương Văn Gi diện tích 1.575m² đất tại các thửa số **148, 165**, tờ bản đồ số 03, Phường 4, thành phố Đ, phù hợp với nội dung thừa nhận của ông T tại Biên bản làm việc ngày 05/9/2019 (BL 24): “*trong số 13 công trình nêu trong Quyết định 3249/QĐ-KPHQ có 01 phần trước đây tôi nhận chuyển nhượng của bà Mai Thị P*”. Trong khi đó, 13 khối công trình xây dựng không có giấy phép được xây dựng trên tổng diện tích đất là 2.736,8m² thuộc một phần các thửa đất số 147, 148, 165, 166, 180, 181 tờ bản đồ số 03, Phường 4, thành phố Đ. Như vậy, đối với các khối công trình xây dựng vi phạm thuộc các thửa đất còn lại không được ông T thừa nhận nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xác minh làm rõ chủ đầu tư, sử dụng.

[2.5] Hồ sơ vụ án thể hiện, trong 13 công trình vi phạm, có một số công trình đã được xây dựng trước khi bà K nhận chuyển nhượng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ công trình nào đã được cải tạo, sửa chữa từ công trình cũ; việc xây dựng công trình cũ (nếu có) có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền hay không; thời điểm xây dựng công trình cũ và cải tạo thành công trình hiện nay; công trình nào được xây dựng mới và do ai xây dựng, quản lý, sử dụng là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[2.6] Biên bản vi phạm hành chính số 213/BB-VPHC ngày 26/7/2019 là căn cứ để Chủ tịch UBND TP Đ ban hành Quyết định 3249/QĐ-KPHQ. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện có sự khác biệt giữa Biên bản do các bên cung cấp như sau: Biên bản vi phạm hành chính do ông T cung cấp (BL 03-05) chỉ có chữ ký của ông Đoàn Danh L, ông Bùi Sỹ Đ ở trang cuối, phần “Quy định tại...” ghi: “*Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính Phủ*”, trang cuối của biên bản có ghi: “*Biên bản lập xong hồi 14 giờ 30 phút ngày 26 tháng 7 năm 2019, gồm 02 tờ được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau*”; Biên bản vi phạm hành chính được sao lục số 08 ngày 19/11/2019 tại UBND TP Đ (BL 72-74) thể hiện có chữ ký của ông L, ông Đ ở tất cả các trang, phần “Quy định tại...” ghi: “*Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính Phủ (điểm b, khoản 5, Điều 15 và khoản 2, Điều 5)*”, trang cuối của biên bản có ghi: “*Biên bản lập xong hồi 14 giờ 30 phút ngày 26 tháng 7 năm 2019, gồm 03 tờ được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau*” và có dấu hiệu tẩy xóa (BL 73). Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vì sao có sự khác biệt này để làm căn cứ giải quyết vụ án là thiếu sót.

Mặt khác, tại Biên bản vi phạm hành chính số 213/BB-VPHC ngày 26/7/2019 xác định: “*Tại thời điểm kiểm tra, chủ đầu tư đã tiến hành xây dựng, cải tạo mở rộng gồm 13 khối công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng tại các thửa đất 1P147, 148, 165, 166, 1P181, TBD 03, Phường 4, Thành phố Đ...*”. Như vậy, theo Biên bản nêu trên, không có công trình vi phạm được xây dựng trên thửa đất số 180, tờ bản đồ số 03. Tuy nhiên, Quyết định 3249/QĐ-KPHQ lại buộc ông T tháo dỡ công trình vi phạm tại một phần thửa đất số 180 là không phù hợp. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét, làm rõ vấn đề này.

[2.7] Ngoài ra, hồ sơ vụ án cũng như các tài liệu do người khởi kiện cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm là Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 11/5/1992 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giao đất cho bà Mai Thị P, đơn xin làm nhà ở trồng nom vườn ngày 10/12/1990 (có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 4 ngày 11/12/1990) thể hiện, nguồn gốc đất có công trình vi phạm trước đây do bà Nguyễn Thị Chinh, Mai Thị P, Mã Thị Xuân G, Nguyễn Thị L (bà Loan nhận chuyển nhượng từ ông Phan Q) sử dụng, xây dựng nhà. Tại biên bản xác minh

ngày 07/11/2019 thể hiện các thửa đất có công trình vi phạm không có ai làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, các thửa đất này vẫn do những chủ sử dụng đất trước đây đăng ký, đứng tên kê khai. Hơn nữa, tại văn bản số 553/UBND có nội dung nêu tại mục [2.3.3] có sự mâu thuẫn như sau: theo ý kiến của tổ dân phố xác định người nhận chuyển nhượng thửa số 1p147, 148, 165 và thửa 181 là bà Nguyễn Thị K trong khi theo khai nhận của bà Mai Thị P và bà Nguyễn Thị L (chủ sử dụng các thửa đất nêu trên) xác định bà P, bà L chuyển nhượng các thửa đất này cho ông T. Mâu thuẫn này chưa được bản án của Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ. Ngoài ra, ông T khai nhận, phần đất và công trình tại thửa 148, 165 hiện do ông Nguyễn Đức H nhận chuyển nhượng, sử dụng. Do đó, để có cơ sở làm sáng tỏ các vấn đề nêu trên, qua đó xử lý đúng chủ thể xây dựng, quản lý, sử dụng các công trình vi phạm này, cần phải thu thập chứng cứ đưa bà Mai Thị P, ông Phan Q, bà Nguyễn Thị Ch, bà Mã Thị Xuân G, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đức H vào tham gia tố tụng.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần phải làm rõ những vấn đề nêu tại các mục [2.3.7], [2.4], [2.5], [2.6] và [2.7] mới có đủ căn cứ vững chắc để giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên hủy Bản án hành chính sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng: Do Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên bị hủy nên người kháng cáo là ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng của các đương sự sẽ được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

- Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét giải quyết khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh T không phải chịu.
Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng
án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003001 ngày
23/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh(1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng(1);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu hồ sơ (1), VP (3), 14b (Án PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Nhựt Bình